

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án
“Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Ngọc Vân”**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 687/TTr-SNNMT ngày 30/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Ngọc Vân” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển cụm công nghiệp Koral Bắc Giang¹ (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại xã Ngọc Thiện, tỉnh Bắc Ninh với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

¹ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 2400941830, do Phòng Đăng ký kinh doanh và quản lý doanh nghiệp thuộc Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 06/7/2022, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 17/10/2025.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng thẩm định²: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu và kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Ngọc Vân”.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Công thương, Xây dựng; UBND xã Ngọc Thiện; Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển cụm công nghiệp Koral Bắc Giang và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐ, THĐT; Trung tâm thông tin tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (trả kết quả);
- Phòng QLMT-Sở NN&MT (lưu hồ sơ);
- Lưu: VT, KTN _{Tân}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Quang Khải

² Thành lập theo Quyết định số 878/QĐ-SNNMT ngày 12/11/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN “ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG CỤM CÔNG NGHIỆP NGỌC VÂN”

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Ngọc Vân.
- Địa điểm thực hiện: Xã Ngọc Thiện, tỉnh Bắc Ninh.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Cụm công nghiệp Koral Bắc Giang.

1.2. Quy mô, công suất:

- Quy mô dự án: Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Ngọc Vân (khoảng 66,08 ha) theo quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Các ngành nghề thu hút đầu tư: Sản xuất cơ khí; sản xuất, chế biến thực phẩm; dệt; sản xuất điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; thiết bị điện; may mặc; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic, công nghiệp hỗ trợ.

1.3. Công nghệ sản xuất: Dự án không thuộc loại hình sản xuất.

1.4. Phạm vi: Dự án thực hiện tại xã Ngọc Thiện, tỉnh Bắc Ninh với tổng diện tích đất thực hiện khoảng 66,08 ha.

1.4.1. Các hạng mục công trình của dự án:

- Các hạng mục công trình chính: San nền, hệ thống giao thông, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước, hệ thống thông tin liên lạc.
- Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án: Khố nhà hành chính - dịch vụ; Nhà để xe, cổng, tường rào; Cây xanh - mặt nước.
- Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống thu gom, thoát nước mưa; hệ thống thu gom, thoát nước thải; trạm xử lý nước thải (XLNT) tập trung.

1.4.2. Hoạt động của dự án đầu tư:

- Hoạt động thi công, xây dựng.
- Hoạt động vận hành dự án.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án chiếm dụng khoảng 48 ha đất trồng lúa 02 vụ (LUC), là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Hoạt động giải phóng mặt bằng, phá dỡ các công trình hiện trạng; hoạt động đào đắp, san gạt mặt bằng; hoạt động bốc dỡ, tập kết, vận chuyển nguyên, nhiên vật liệu xây dựng, đất đá đổ thải; hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình,... phát sinh bụi, khí thải, nước thải thi công, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công, xây dựng phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt.

2.2. Giai đoạn vận hành:

- Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào khu vực dự án phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn.

- Hoạt động của các đơn vị thứ cấp trong cụm công nghiệp phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại,...

- Hoạt động tại khu vực hành chính, dịch vụ của cụm công nghiệp phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

- Hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung phát sinh khí thải gây mùi hôi, bùn thải; hoạt động nạo vét, bảo dưỡng hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom nước thải định kỳ phát sinh bùn thải.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nước thải:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân trong quá trình thi công, xây dựng các hạng mục công trình của dự án khoảng 4,5 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni, tổng Coliforms,...

- Nước thải phát sinh từ quá trình rửa xe vận chuyển nguyên vật liệu; nước rửa máy móc, thiết bị thi công khoảng 2,29 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, tổng dầu mỡ khoáng...

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng: Kéo theo bụi, đất, cát và các chất lơ lửng vào nguồn nước mặt. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS)...

b) Giai đoạn vận hành:

- Nước thải: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên, và của các đơn vị thứ cấp hoạt động tại dự án phát sinh khoảng 1.055 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N,P) và các vi sinh vật gây bệnh, các kim loại nặng.

- Nước mưa chảy trên bề mặt dự án cuốn theo các chất bẩn, dầu mỡ bám trên mặt đường, rác (vật liệu rơi, lá cây...) vào đường thoát nước của dự án. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS)...

3.1.2. Bụi, khí thải:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Bụi phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật, chặt phá cây xanh, phá dỡ các công trình hiện trạng; từ hoạt động đào, đắp, san nền khu vực dự án; từ quá trình bốc dỡ và tập kết nguyên vật liệu xây dựng; từ hoạt động trộn bê tông tươi (máy nhỏ); từ quá trình lưu trữ nguyên vật liệu; từ quá trình vệ sinh công trình sau khi thi công hoàn chỉnh; từ quá trình sơn.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển; từ hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Bụi, SO₂, CO, NO_x, VOC,...

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình trải bê tông nhựa nóng có thông số ô nhiễm đặc trưng là hơi hữu cơ VOC_s.

- Khí thải phát sinh từ quá trình hàn. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Khói hàn, CO, NO_x.

b) Giai đoạn vận hành:

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông, vận tải trong cụm công nghiệp. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Bụi, CO, NO_x, SO₂,...

- Khí thải (mùi) phát sinh từ trạm xử lý nước thải (XLNT) tập trung của cụm công nghiệp. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: H₂S, mercaptan, CO₂, CH₄,...

- Khí thải (mùi) phát sinh từ khu vực lưu trữ rác. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: H₂S, mercaptan,...

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Bụi, NO_x, CO, SO₂.

- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của các đơn vị thứ cấp: Tùy theo đặc tính của từng ngành nghề, từng loại hình công nghệ sản xuất của mỗi nhà đầu tư thứ cấp sẽ phát sinh các loại bụi, khí thải khác nhau. Việc xác định quy mô, thành phần, tính chất đặc trưng khí thải của từng loại hình công nghiệp cụ thể căn cứ trên quy mô sản xuất, quy trình công nghệ được sử dụng. Ngoài ra, còn phụ thuộc rất lớn vào chủng loại nguyên liệu, trang thiết bị máy móc và cả kỹ thuật vận hành của công nhân (*chi tiết được thể hiện trong hồ sơ môi trường, hồ sơ dự án của từng đơn vị thứ cấp*).

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại (CTNH)

3.2.1. Chất thải rắn thông thường:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân tham gia thi công, xây dựng khoảng 50 kg/ngày. Thành phần gồm: túi nilon, vỏ chai lọ, giấy vụn, thức ăn dư thừa,...

- Khối lượng sinh khối phát quang thảm thực vật khoảng 54,5 tấn. Thành phần chủ yếu gồm: gốc rom, dạ và các loại cây gỗ, cây cỏ bụi khác.

- Khối lượng đất bóc hữu cơ bề mặt khoảng 98.973 m³.
- Chất thải phát sinh từ quá trình phá dỡ 99 ngôi mộ hiện hữu khoảng 661 tấn. Thành phần chủ yếu là gạch, đá vữa, bê tông, gỗ, đầu mẫu sắt thép...
- Chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình thi công xây dựng khoảng 1.096 tấn. Thành phần chủ yếu gồm gạch vỡ, đầu mẫu sắt thép, vữa dư thừa, bao bì carton, nilon...

b) Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt:
 - + Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên làm việc tại khu nhà điều hành, khu vực Trạm xử lý nước thải tập trung phát sinh khoảng 25 kg/ngày.
 - + Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên đường nội bộ CCN, khu vực công cộng bên ngoài các đơn vị thứ cấp: khoảng 40 kg/ngày, bao gồm: nilon, vỏ chai nhựa, thủy tinh, hộp đựng đồ ăn, thực phẩm thừa, giấy, báo... do công nhân trong CCN thải ra bên ngoài phạm vi các đơn vị thứ cấp; cành lá cây rụng hai bên đường, cây cỏ, gạch, đất cát,... từ quá trình vệ sinh môi trường.
 - + Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các đơn vị thứ cấp trong CCN: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên làm việc tại các đơn vị thứ cấp phụ thuộc vào số lượng công nhân làm việc tại mỗi đơn vị.
- Chất thải rắn công nghiệp thông thường:
 - + Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động quản lý, vận hành CCN: khoảng 200 tấn/năm, gồm có bùn nạo vét định kỳ từ các hố ga trên hệ thống thu gom nước mưa, rác thải từ thiết bị tách rác của trạm xử lý nước thải tập trung, rác thải từ việc cắt tỉa cây xanh, sửa chữa hạ tầng.
 - + Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của các đơn vị thứ cấp trong cụm công nghiệp: Khối lượng và thành phần phụ thuộc quy mô, công suất, loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của từng đơn vị thứ cấp (*chi tiết được thể hiện trong hồ sơ môi trường, hồ sơ dự án của từng đơn vị thứ cấp*).

3.2.2. Chất thải nguy hại:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

Chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng khoảng 172,8kg/năm. Thành phần chủ yếu gồm: Chất hấp thụ, vật liệu lọc (vải tách dầu); dầu phanh thải; pin, ắc quy thải; que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại; cặn sơn, sơn và véc ni; bao bì nhựa cứng thải (vỏ thùng sơn)...

b) Giai đoạn vận hành:

- CTNH phát sinh từ nhà điều hành và trạm XLNT tập trung của cụm công nghiệp khoảng 201 tấn/năm. Thành phần chủ yếu gồm: Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải; bao bì nhựa cứng thải; chất hấp thụ, vật liệu lọc; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; bao bì mềm thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp; hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng

thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại; than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải; pin Ni-Cd thải; ắc quy chì thải.

- CTNH phát sinh từ hoạt động của các đơn vị thứ cấp trong cụm công nghiệp: Khối lượng và thành phần phụ thuộc quy mô, công suất, loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của từng đơn vị thứ cấp (*chi tiết được thể hiện trong hồ sơ môi trường, hồ sơ dự án của từng đơn vị thứ cấp*).

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ các phương tiện giao thông vận tải; từ máy móc, thiết bị thi công; từ hoạt động thi công, xây dựng.

Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

b) Giai đoạn vận hành:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các đơn vị thứ cấp trong cụm công nghiệp, từ các phương tiện vận tải ra vào cụm công nghiệp và từ quá trình vận hành trạm xử lý nước thải tập trung.

Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt: Lắp đặt 02 nhà vệ sinh di động tại công trường (mỗi nhà vệ sinh có dung tích bể chứa chất thải khoảng 01 m³/bể, thiết kế đồng bộ, hợp khối. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bể chứa chất thải của nhà vệ sinh di động đem đi xử lý theo quy định (Tần suất khoảng 01 tuần/lần hoặc khi bể chứa đầy).

- Nước thải thi công:

+ Bố trí tại công trường thi công 01 cầu rửa xe có 02 ngăn lửng có dung tích 7,2 m³/ngăn, mỗi ngăn có kích thước khoảng (2×1,2×3)m có bố trí vải tách dầu để thu gom, tuần hoàn nước thải từ quá trình xịt rửa bánh xe vận chuyển nguyên vật liệu, nước rửa máy móc, thiết bị thi công. Nước thải sau khi được tách dầu và lắng cặn được tái sử dụng để rửa xe (xịt rửa bánh xe) vận chuyển nguyên vật liệu, nước rửa máy móc, thiết bị thi công tại dự án, không xả thải ra ngoài môi trường.

+ Quy trình xử lý: Nước thải (từ quá trình xịt rửa bánh xe vận chuyển nguyên vật liệu, nước rửa máy móc, thiết bị thi công) → Rãnh thu gom → Hồ lắng có bố trí vải tách dầu → Nước sau khi tách dầu và lắng cặn được tái sử dụng để rửa xe vận chuyển nguyên vật liệu, nước rửa máy móc, thiết bị thi công tại dự án.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Bố trí hồ lắng hợp lý trong khu vực thi công có kích thước (2×1,5×1,5)m để làm nhiệm vụ lắng sơ bộ các chất rắn lơ lửng trước khi thải vào hệ thống thoát nước khu vực. Nước mưa sau khi qua hệ thống rãnh thoát nước bố trí hồ lắng tạm thời để lắng lọc sơ bộ trước khi thoát vào kênh tiêu thoát nước của khu vực.

+ Thường xuyên kiểm tra rãnh thoát nước, nạo vét bùn tại các hồ lắng với tần suất 03 tháng/lần (khi mưa nhiều: 01 tuần/lần).

b) Giai đoạn vận hành:

- Thiết kế hệ thống thoát nước thải riêng, độc lập với hệ thống thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu hành chính - dịch vụ của cụm công nghiệp được xử lý sơ bộ qua 03 bể tự hoại 03 ngăn có thể tích 07 m³/bể, sau đó được thu gom qua hệ thống thu gom nước thải chung của CCN cấu tạo bằng bê tông cốt thép (BTCT) D400 dẫn về trạm XLNT tập trung của CCN Ngọc Vân.

- Nước thải sinh hoạt cùng với nước thải sản xuất của các đơn vị thứ cấp sau khi được xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nổi của cụm công nghiệp sẽ chảy vào hệ thống thu gom nước thải chung của cụm công nghiệp dẫn về trạm XLNT tập trung của CCN Ngọc Vân. Chủ đầu tư hạ tầng CCN bố trí hố ga đầu nổi nước thải tại mỗi lô đất công nghiệp để quản lý và giám sát. Chỉ cho phép các đơn vị thứ cấp đầu nổi vào hệ thống thoát nước thải của CCN sau khi đảm bảo chất lượng nước thải phù hợp với tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của trạm XLNT tập trung theo Hợp đồng thuê hạ tầng kỹ thuật (hoặc Hợp đồng xử lý nước thải) giữa Chủ dự án và các đơn vị thứ cấp. Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào trạm XLNT tập trung của CCN: QCVN 40:2025/BTNMT, cột C (riêng các chỉ tiêu kim loại nặng đạt cột A).

- Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 1.100 m³/ngày đêm.

- Quy trình công nghệ trạm xử lý nước thải tập trung như sau:

Nước thải → Ngăn tách rác → Bể gom → Bể điều hòa → Bể phản ứng → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể tuần hoàn → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Hệ thống lọc áp lực → Bể khử trùng → Mương quan trắc (Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A) → Hồ điều hòa → Nguồn tiếp nhận.

- Nguồn tiếp nhận nước thải của dự án: Ngòi Yên Hạ. Nước thải sau xử lý thoát vào mương hiện trạng phía Nam dự án có chiều dài khoảng 120m, sau đó thoát vào mương hiện trạng theo hướng Bắc-Nam chiều dài khoảng 850m, cuối cùng chảy vào ngòi Yên Hạ.

- Vị trí điểm xả nước thải vào mương hiện trạng (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 107°, múi chiếu 3°): X=2362008.229, Y=400485.879.

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

- Lắp đặt 01 hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đối với nước thải sau xử lý tại trạm XLNT tập trung trước khi xả ra môi trường, có camera theo dõi, thiết bị lấy mẫu nước thải tự động, truyền số liệu trực tiếp đến Sở Nông nghiệp và Môi trường theo đúng quy định. Các thông số quan trắc nước thải tự

động, liên tục bao gồm: Lưu lượng nước thải (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, amoni. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo đúng quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Sử dụng hàng rào tôn cao 2,0m (hoặc vật liệu khác phù hợp) che chắn xung quanh khu vực dự án để cách ly và giảm thiểu tác động của bụi tới môi trường xung quanh.

- Làm sạch bánh xe trước khi ra khỏi công trường thi công: Sử dụng 02 cầu rửa xe. Xe tải được chạy qua máng lội tự lùi qua lại rửa bánh, phần trên thùng công nhân sẽ tiến hành phun nước rửa sạch đất, cát,... bám xung quanh, tránh phát tán bụi tại các tuyến đường vận chuyển, dẫn đến tình trạng ô nhiễm toàn khu vực.

- Tưới ẩm dọc theo các tuyến đường vận chuyển đất san nền và vật liệu xây dựng 01 lần/ngày trong phạm vi bán kính 1km từ dự án và tăng tần suất lên từ 2 đến 3 lần/ngày trong những ngày hanh khô.

- Các phương tiện vận chuyển nguyên, nhiên liệu,... khi tham gia giao thông có các tấm bạt che phủ kín nhằm hạn chế tối đa các tác động do bụi rơi vãi và khuếch tán vào môi trường không khí do tác dụng của gió.

- Xe chở đúng trọng tải quy định, sử dụng đúng nhiên liệu với thiết kế của động cơ và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về lưu thông.

- Tất cả các phương tiện vận tải tham gia vận chuyển, máy xúc, máy ủi đều được kiểm tra định kỳ đạt tiêu chuẩn của cơ quan đăng kiểm có thẩm quyền về mức độ an toàn môi trường mới được phép hoạt động.

- Thường xuyên bố trí công nhân đi thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi trên đường để hạn chế việc phát tán bụi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Trang bị khẩu trang, găng tay, kính mắt,... cho những người làm việc tại các khu vực có khả năng phát sinh ô nhiễm không khí.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, máy xúc, máy ủi đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

- Trong quá trình hàn cắt kim loại che chắn bằng các vật liệu không cháy hoặc di chuyển các vật liệu dễ cháy ra khỏi khu vực hàn cắt (tối thiểu 10m). Không để vảy hàn có nhiệt độ cao tiếp xúc với các vật liệu dễ cháy, có biện pháp an toàn phòng cháy chữa cháy và phương án xử lý cháy, nổ. Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp hàn.

- Trước khi thực hiện công tác thổi bụi để trải bê tông nhựa nóng: Nhà thầu thi công yêu cầu công nhân tiến hành quét dọn bề mặt đường, thu dọn bùn đất rơi vãi. Quá trình quét dọn mặt đường tiến hành liên tục để hạn chế bụi phát tán khi đưa máy thổi bụi vào hoạt động.

- Việc thổi bụi là công việc cần thiết trước khi rải nhựa. Để hạn chế bụi phát tán đơn vị thi công sẽ thực hiện một số biện pháp như sau:

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thực hiện công tác thổi bụi và các công nhân làm việc trong khu vực này: Kính mắt, khẩu trang, quần áo bảo hộ...

+ Thực hiện các giải pháp kỹ thuật trong thi công như: Khi thi công qua khu vực gần khu đông dân cư cần hạn chế việc thổi bụi với công suất lớn mà thổi với công suất nhỏ, từ từ; Tiến hành phun nước khoanh vùng để hạn chế bụi khuếch tán rộng.

- Sử dụng công nghệ trải thảm bê tông nhựa nóng được cơ quan chuyên ngành thẩm định và phê duyệt. Quá trình thi công mặt đường bê tông nhựa nóng phải được thực hiện trong những ngày không mưa với điều kiện móng đường khô ráo. Tránh thi công trải nhựa đường vào các giờ cao điểm nhằm giảm ảnh hưởng mùi, nhiệt trong quá trình thi công đến người dân gần khu vực dự án.

- Đối với sắt thép cần sơn sẽ được che chắn hoặc sơn ở vị trí thấp dưới mặt đất để thuận lợi cho việc che chắn hạn chế phát tán sơn ra xung quanh rồi mới đưa lên lắp đặt trên cao.

- Đối với việc sơn tường nhà điều hành thực hiện quy trình sơn đúng kỹ thuật, sử dụng sơn nước được pha sẵn sau đó công nhân mới đưa lên cao để sơn đảm bảo tiết kiệm nguyên liệu, hạn chế ảnh hưởng đến xung quanh cho nước sơn bị rơi rớt ra ngoài. Bên cạnh đó nhà thầu thi công huấn luyện cho công nhân việc thực hiện kỹ thuật sơn, nhúng con lăn với nước sơn vừa đủ không quá ngập trong nước sơn, không để gây sơn vưon quá dài hoặc quá cao vừa đảm bảo nước sơn đều, không làm rớt hoặc vãi sơn ở con lăn. Ngoài ra khu vực tòa nhà cần sơn được xây dựng đều cách xa khu nhà dân xung quanh, đây cũng là điều kiện thuận lợi khi trong quá trình sơn ảnh hưởng đến các hộ dân xung quanh. Vào những ngày gió to không tiến hành sơn phía bên ngoài tường.

- Thực hiện phun nước tưới ẩm trước khi quét dọn vào thời tiết khô hanh.

- Thi công đến đâu dọn sạch đến đó.

b) Giai đoạn vận hành:

- Thực hiện quét dọn, vệ sinh sạch sẽ các trục đường giao thông hàng ngày.

- Phun nước tưới ẩm đường giao thông nội bộ thường xuyên, nhất là vào mùa khô.

- Bảo đảm đầy đủ diện tích cây xanh tập trung, cây xanh cách ly, cây xanh dọc tuyến đường giao thông cụm công nghiệp vừa tạo cảnh quan, vừa góp phần thu lọc bụi, làm sạch không khí và giảm tiếng ồn.

- Lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý mùi từ trạm XLNT tập trung của dự án theo đúng thiết kế. Quy trình thu gom và xử lý mùi của trạm XLNT tập trung như sau: Khí thải, mùi → Tháp hấp thụ (NaOH) → Tháp hấp phụ (than hoạt tính) → Quạt hút → Môi trường. Mùi, khí thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột B.

- Bụi, khí thải phát sinh từ các đơn vị thứ cấp trong cụm công nghiệp do các đơn vị thứ cấp tự xử lý (chi tiết được thể hiện trong hồ sơ môi trường, hồ sơ dự án của từng đơn vị thứ cấp).

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, CTNH:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Các loại chất thải như lon, giấy, đồ hộp,... được công nhân thu gom riêng sau đó tận dụng bán cho cơ sở thu mua, tái chế; Các chất thải rắn hữu cơ và chất thải còn lại được thu gom vào 04 thùng chứa rác dung tích 60 lít/thùng, có nắp đậy. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đi xử lý theo quy định (tần suất 02 ngày/lần).

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động phát quang thực vật: Tạo điều kiện để cho các hộ dân thu gom toàn bộ cây trồng trên đất tận dụng tối đa vào các mục đích khác nhau, đối với chất thải không tận dụng: Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Toàn bộ đất bóc hữu cơ bề mặt được sử dụng để đắp trồng cây xanh trong khuôn viên dự án.

+ Chất thải phát sinh từ quá trình di dời 99 ngôi mộ được thu gom, vận chuyển đến bãi đổ thải của địa phương.

+ Chất thải rắn phát sinh từ quá trình xây dựng được phân loại và xử lý như sau: chất thải rắn như bao bì, vỏ bao xi măng, đầu mẩu sắt thép thừa... được thu gom, bán cho các đơn vị thu mua, tái chế; các chất thải xây dựng như gạch vỡ, vữa dư thừa, đất đào mặt bằng dự án,... được thu gom, đập nhỏ và tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng trong phạm vi xây dựng (*trừ vị trí thi công đường giao thông sẽ không tận dụng chất thải này*).

+ Các chất thải khác không tận dụng sẽ thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định, tần suất 03 tháng/lần.

b) Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại khu nhà hành chính – dịch vụ, trạm xử lý nước thải, nhà bảo vệ: Chủ dự án bố trí khoảng 8 thùng chứa rác dung tích 60 lít/thùng để thu gom, lưu chứa chất thải. Chất thải sinh hoạt phát sinh được đưa về kho chứa chất thải sinh hoạt diện tích 10 m² bố trí tại khu vực trạm xử lý nước thải tập trung, cạnh kho chứa chất thải rắn thông thường.

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên đường nội bộ CCN, khu vực công cộng trong khuôn viên CCN: Chủ dự án bố trí khoảng 15 thùng chứa rác (thùng chứa rác 02 ngăn) có nắp đậy dung tích 80 lít/thùng tại khu vực công cộng, khuôn viên cây xanh, dọc các tuyến đường trong CCN. Đồng thời, đầu tư các phương tiện thu gom, vận chuyển và lưu chứa chất thải để bộ phận vệ sinh môi trường của CCN thu gom. Phương tiện thu gom gồm 5 xe đẩy tay dung tích 400 lít, chổi; găng tay,... Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định, tần suất thu gom 01 lần/ngày.

+ Đối với các đơn vị thứ cấp trong CCN: Do các đơn vị chịu trách nhiệm thu gom, phân loại, quản lý và xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường từ hoạt động quản lý, vận hành CCN: Bùn nạo vét định kỳ từ các hố ga trên hệ thống thu gom nước mưa, rác thải từ thiết bị tách rác của Trạm xử lý nước thải tập trung, cắt tỉa cây xanh, sửa chữa hạ tầng được chủ dự án thu gom, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định. Các loại chất thải có thể tái chế chủ dự án ký hợp đồng bán cho đơn vị có chức năng theo quy định.

+ Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại các đơn vị thứ cấp trong CCN: Do các đơn vị chịu trách nhiệm thu gom, phân loại, quản lý và xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Bố trí 01 thùng chứa dung tích 200 lít để lưu chứa bao bì cứng thải và 05 thùng chứa dung tích 100 lít để lưu chứa các chất thải còn lại. Các thùng chứa được dán tên chất thải, mã số chất thải. Các chất thải này được lưu trong kho chứa diện tích 10m², phía sau khu lán trại công nhân.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định (*tần suất 06 tháng/lần hoặc căn cứ vào tình hình thực tế phát sinh nhưng không quá 01 năm/lần*).

b) Giai đoạn vận hành:

- Đối với chất thải phát sinh từ hoạt động quản lý, vận hành CCN:

+ Bùn thải từ trạm xử lý nước thải tập trung: Bùn sau khi ép khô được lưu chứa trong nhà ép bùn tại trạm xử lý nước thải tập trung diện tích 36 m².

+ Các chất thải nguy hại khác: Chủ dự án bố trí 10 thùng chứa dung tích 100 lít/thùng để lưu giữ riêng các loại CTNH đặt trong kho chứa CTNH có diện tích 10 m², bố trí tại khu vực Trạm xử lý nước thải tập trung của dự án.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định (*tần suất 01 tháng/lần hoặc có thể thay đổi tùy tình hình thực tế*).

- Đối với các đơn vị thứ cấp trong CCN: Việc thu gom, phân loại, quản lý, vận chuyển, xử lý CTNH phát sinh từ hoạt động của các đơn vị thứ cấp trong CCN được chủ các đơn vị thứ cấp thực hiện theo thủ tục môi trường riêng (*chi tiết được thể hiện trong hồ sơ môi trường, hồ sơ dự án của từng đơn vị thứ cấp*).

4.3. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân thi công tại công trường như: Bịt tai, găng tay, ủng, quần áo, mũ bảo hộ,...

- Không sử dụng các máy móc có mức ồn lớn hơn 70 dBA (đo cách máy 2m).

- Chống rung bằng biện pháp kết cấu: cân bằng máy, lắp bộ tắt chấn động lực,...

- Biện pháp dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung như hộp dầu giảm chấn, gối đàn hồi kim loại, đệm đàn hồi kim loại, gối đàn hồi cao su, đệm đàn hồi cao su,...

được lắp giữa máy và bộ máy đồng thời được định kỳ kiểm tra hoặc thay thế.

- Định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng máy móc 03 tháng/01 lần.

b) Giai đoạn vận hành:

- Lắp biển cảnh báo tốc độ tối đa các loại xe được lưu thông trên các tuyến đường nội bộ của Dự án.

- Trồng cây xanh dọc vỉa hè hai bên tuyến đường giao thông nội bộ, xung quanh hàng rào Dự án.

- Yêu cầu, giám sát các đơn vị thứ cấp trong cụm công nghiệp phải áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo thủ tục môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt riêng cho từng đơn vị thứ cấp.

- Không bố trí vị trí các loại hình sản xuất có nguy cơ gây tiếng ồn lớn tại các lô đất công nghiệp gần với khu dân cư.

- Trong quá trình CCN đi vào vận hành phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn và độ rung đạt các quy chuẩn: QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BTNMT

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Lắp rào chắn tại khu vực công trường thi công, có bố trí các biển báo, cảnh báo nguy hiểm.... Thắp đèn chiếu sáng và lắp đèn tín hiệu cảnh báo tại đoạn đường có công trường thi công khi trời tối.

- Bố trí người điều khiển phương tiện giao thông trong giờ cao điểm và trong giai đoạn hoạt động của các phương tiện thi công tránh xảy ra sự cố.

- Phân luồng giao thông, hạn chế tối đa sự tập trung quá đông các phương tiện giao thông cùng lúc, treo biển chỉ dẫn hạn chế tốc độ trong khu vực thi công tránh các tai nạn đáng tiếc.

- Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động để hạn chế các rủi ro tai nạn lao động có khả năng xảy ra, ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động. Tăng cường kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang bị bảo hộ lao động khi làm việc.

- Kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị thường xuyên đảm bảo thiết bị luôn hoạt động tốt.

- Lắp đặt thiết bị an toàn cho đường dây tải điện và thiết bị tiêu thụ điện (*áp tô mát bản vệ ngắn mạch và ngắn mạch trạm đất, ...*).

- Đề ra các nội quy lao động, hướng dẫn vận hành máy móc, thiết bị an toàn, đồng thời kiểm tra chặt chẽ và có biện pháp xử lý đối với các cá nhân vi phạm.

- Thuê đơn vị chức năng tiến hành rà phá bom mìn, vật liệu nổ; công tác rà phá bom mìn phải được hoàn tất trước khi tiến hành khởi công dự án.

- Thành lập Ban chỉ huy và thường xuyên tổ chức tập huấn định kỳ về công tác phòng cháy, chữa cháy. Việc sử dụng các thiết bị, máy thi công dùng điện phải theo đúng các quy định về an toàn điện. Từng khu vực có cầu dao riêng, khi

ngiht hoặc lúc ra về phải ngắt cầu dao. Bố trí bể chứa nước, đồng thời bố trí các thùng phuy 100 lít đựng cát khô.

- Thường xuyên nạo vét cống rãnh định kỳ, không để chất thải, vật tư, vật liệu gần khu vực cống thoát nước.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện hỗ trợ phòng chống bão lũ.

b) Giai đoạn vận hành:

** Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố trạm xử lý nước thải tập trung:*

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được duyệt, đảm bảo quy trình vận hành các khâu đúng kỹ thuật, đảm bảo định mức hóa chất.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải thường xuyên, để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ và kịp thời.

- Sử dụng hồ sự cố dung tích 1.100 m³ để lưu chứa nước thải khi trạm XLNT tập trung của CCN gặp sự cố, nước thải được lưu giữ tại hồ sự cố sau đó bơm ngược lại về trạm XLNT tập trung để xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Bố trí máy phát điện dự phòng cho trạm xử lý nước thải tập trung. Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác,... để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Dung tích các bể, hệ thống van chặn tại các bể của trạm XLNT tập trung đảm bảo thời gian lưu nước tối đa trong trường hợp xảy ra sự cố xử lý nước thải. Khi xảy ra sự cố, tiến hành tạm dừng hoạt động của trạm XLNT tập trung để kiểm tra, khắc phục, sửa chữa. Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành trạm xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành, bảo dưỡng được thiết lập cho trạm XLNT tập trung của Dự án.

** Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động:*

Trang bị các biển báo tại các khu vực nguy hiểm, trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cho người lao động.

** Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, chập điện:*

Tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy và các quy định khác có liên quan; lắp đặt đầy đủ thiết bị phòng cháy, chữa cháy; xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng chống cháy nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

** Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố thiên tai:*

- Tuân thủ các phương án quy hoạch hệ thống thoát nước mưa, nước thải, đảm bảo cao độ san nền và xây dựng hệ thống thoát nước đảm bảo tiêu thoát nước tự nhiên khi mưa to kéo dài.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão.

- Dự phòng máy bơm nước cưỡng bức trong trường hợp ngập úng.

** Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố khác:*

- Phương án bố trí mặt bằng các ngành nghề trong CCN, đảm bảo kiểm soát nguy cơ ô nhiễm môi trường, giảm thiểu tối đa tác động tới khu dân cư liền kề dự án. Phân khu các ngành nghề thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường (ngành nghề thuộc phụ lục II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP) không bố trí giáp khu dân cư, cuối hướng gió nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng của các chất ô nhiễm, tiếng ồn đến khu dân cư. Không bố trí các ngành nghề này tại các ô đất công nghiệp CN-11, CN-16 đến CN-20, CN-24, CN-26, CN-36.

- Chủ dự án ưu tiên bố trí các doanh nghiệp cùng ngành nghề sản xuất, kinh doanh vào những ô đất công nghiệp gần nhau tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý, đặc biệt công tác quản lý chất thải phát sinh như chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, thu gom và xử lý nước thải. Hơn nữa, việc phân khu theo ngành nghề cũng tạo điều kiện cho các doanh nghiệp được tăng cơ hội giao lưu, học hỏi công nghệ sản xuất, công nghệ xử lý chất thải.

- Trồng dải cây xanh cách ly mật độ cao, chiều rộng ≥ 10 m đảm bảo hạn chế tối đa ảnh hưởng đến dân cư. Chủ đầu tư sẽ quản lý phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại và thu gom nước thải theo có phương án quy hoạch từng khu vực sản xuất theo từng ngành nghề sản xuất trong thu hút đầu tư.

- Khoảng cách từ các phân khu tới các khu vực xung quanh (khu dân cư):

- + Đối với các ngành nghề thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường (ngành nghề thuộc phụ lục II, Nghị định 05/2025/NĐ-CP) khoảng cách từ ô đất công nghiệp đến nhà dân gần nhất khoảng 60-80m.

- + Đối với các ngành nghề còn lại: Khoảng cách từ ô đất công nghiệp đến nhà dân gần nhất khoảng 25-30m.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Chương trình quản lý môi trường:

Chủ dự án xây dựng chương trình quản lý môi trường chi tiết của dự án đảm bảo thực hiện các biện pháp giảm thiểu các động xấu đến môi trường nêu tại Mục 4 trong Quyết định này và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trước khi tiến hành triển khai thực hiện dự án.

5.2. Giám sát môi trường:

5.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng:

** Giám sát môi trường không khí xung quanh:*

- Vị trí giám sát: 02 vị trí vị trí trong khu vực xây dựng.

- Thông số giám sát: SO₂, CO, NO₂, bụi lơ lửng (TSP), tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/01 lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 26:2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. QCVN 27:2025/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

** Giám sát việc thực hiện phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải:*

Giám sát việc thực hiện phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 07/2025/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao các loại chất thải này cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

5.2.2. Giai đoạn vận hành:

a) Giai đoạn vận hành thử nghiệm:

Sau khi hoàn thiện các hạng mục công trình của dự án, chủ dự án có trách nhiệm lập hồ sơ cấp giấy phép môi trường cho dự án và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành ổn định:

** Giám sát nước thải tự động, liên tục:*

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại mương quan trắc nước thải sau xử lý của CCN và truyền số liệu trực tiếp đến Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

- Thông số giám sát: Lưu lượng nước thải (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, amoni.

- Tần suất giám sát: Tự động, liên tục 24/24 giờ.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A.

** Giám sát định kỳ nước thải:*

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại mương quan trắc nước thải sau xử lý của CCN.

- Thông số giám sát: Tất cả các thông số theo QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (trừ các thông số đã giám sát tự động, liên tục).

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A.

** Giám sát nước thải khi trạm quan trắc tự động, liên tục gặp sự cố:*

Trong thời gian thiết bị quan trắc tự động ngừng hoạt động từ 48 giờ trở lên, chủ dự án thực hiện quan trắc theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 35 Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

** Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:*

Giám sát việc thực hiện phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo quy định của

Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 07/2025/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao các loại chất thải này cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường sau đây:

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và các quy định khác về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường. Cam kết kiểm soát các nguồn thải phát sinh (bụi, khí thải, nước thải, tiếng ồn) đảm bảo không gây ô nhiễm, ảnh hưởng tới môi trường và các đối tượng xung quanh.

- Đối với phương án sử dụng đất màu bóc bề mặt, chủ dự án phải thực hiện các thủ tục về phương án sử dụng đất màu trước khi triển khai dự án, đảm bảo theo quy định.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án.

- Đảm bảo tính chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, các vấn đề về môi trường và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường.

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh để kiểm tra, xem xét) và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Quyết định này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án./.